VGP CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 11.08.2020 16:08:02 +07:00

TTĐT

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 362/BC-CP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

BÁO CÁO
Việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011 - 2020

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 11/8/20

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới, Chính phủ báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011 - 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2019

1. Tình hình triển khai Luật Bình đẳng giới

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về giới tiếp tục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật mới được Quốc hội thông qua như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật Dân quân tự vệ.

Riêng Bộ luật Lao động (sửa đổi) ngày 20 tháng 11 năm 2019 đã có những quy định mới, thay đổi cách tiếp cận từ "bảo vệ lao động nữ" sang cách tiếp cận đảm bảo quyền đối với mọi người lao động, cả nữ và nam. Ngoài Chương X về "Những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới" thì Bộ luật Lao động (sửa đổi) có nhiều nội dung mới theo hướng phù hợp hơn với các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, bao gồm chống phân biệt đối xử trong lao động việc làm như: quy định giảm số năm chênh lệch giữa tuổi nghỉ hưu của nam và nữ từ 5 năm xuống còn 2 năm; chênh lệch tiền lương giữa nam và nữ, bảo vệ tốt hơn người lao động nữ trong quá trình mang thai và nuôi con nhỏ; nhiều nghề hoặc công việc trước đây cấm sử dụng lao động nữ với mục đích bảo vệ họ thì giờ đây đã mở cửa với nữ giới và cho họ quyền lựa chọn làm hoặc không làm.

- Trong năm 2019, Chính phủ đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, đề xuất hướng hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất với các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là việc rà soát, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đã trở thành một quy trình bắt buộc trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương tiến hành tổng kết, đánh giá 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách từng bước được hoàn thiện theo hướng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới đi vào cuộc sống. Việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được triển khai trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, v.v... đã có những chuyển biến tích cực, góp phần rút ngắn khoảng cách giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, tạo điều kiện để phụ nữ và nam giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng vào các lĩnh vực của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, cũng còn những bất cập xuất phát từ những quy định của pháp luật cũng như trong quá trình tổ chức thực hiện Luật.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện ở các cấp, các ngành:

- Bên cạnh việc tiếp tục tuyên truyền những nội dung cơ bản về Luật bình đẳng giới đến cấp cơ sở, các bộ, ban, ngành, địa phương còn tuyên truyền các chính sách, pháp luật mới được ban hành có liên quan đến bình đẳng giới; tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tập huấn để định hướng các cơ quan thông tấn báo chí và phóng viên nhằm nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho các cấp, các ngành, các cơ quan quản lý nhà nước và mọi tầng lớp nhân dân.

Các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới với nhiều nội dung phong phú, cách làm sáng tạo thông qua việc tổ chức các cuộc thi, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề; xây dựng các chuyên trang, chuyên đề về bình đẳng giới và phát sóng định kỳ trên đài phát thanh - truyền hình và báo in[1]. Các hoạt động truyền thông ở cơ sở đã được chú trọng triển khai, mở rộng sự tham gia của học sinh, sinh viên, doanh nghiệp, người lao động, nam giới...

- Nhiều sự kiện truyền thông nhân Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới được triển khai như: Xây dựng tư liệu truyền thông nâng cao nhận

---

[1] Năm 2019, Bộ Công an đã đăng tải 1.510 thông tin, bài viết, hình ảnh phản ánh nội dung về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trên cổng thông tin điện tử, các chuyên mục của các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài lực lượng công an nhân dân; tổ chức 1.584 lượt cuộc thi, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về luật pháp, chính sách về bình đẳng giới; các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng tổ chức hơn 200 cuộc vận động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới cho 15.130 lượt người; Tỉnh Hậu Giang xây dựng được 20 chuyên trang, chuyên đề trên Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Hậu Giang; phát sóng 118 kỳ trên Đài Truyền thanh của tỉnh; Tỉnh Quảng Ninh tổ chức 34 cuộc tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới cho 3.977 lượt cán bộ, người lao động, doanh nghiệp và người dân; xây dựng 04 phóng sự, clip, 201 đĩa truyền thông về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới để đăng tải và phát sóng trên cổng thông tin điện tử, đài Phát thanh truyền hình, Đài truyền thanh trên địa bàn tỉnh.

thức về bình đẳng giới; clip truyền thông về thành tựu 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới; phim phóng sự về bình đẳng giới, triển lãm về thành tực 10 năm thực hiện Luật bình đẳng giới,...

- Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2019 được tổ chức với số lượng hoạt động, số người tham gia tăng hơn nhiều so với năm 2018 và các năm trước đây. Tổng cộng khoảng 32.320 hoạt động hưởng ứng Tháng hành động đã được tổ chức trên toàn quốc (tăng gần gấp đôi so với năm 2018) với hơn 1.576.000 lượt người tham dự (tăng 1,43 lần so với năm 2018). Các hoạt động, nội dung, thông điệp của Tháng hành động đã được truyền tải qua 202.413 ấn phẩm truyền thông; 21.390 lượt truyền thanh; gần 3500 phóng sự, tin bài, chuyên mục trên sóng truyền hình, báo in, báo điện tử, bản tin, trang thông tin điện tử của các bộ, ngành và địa phương. Theo đó, hàng chục triệu người dân đã tiếp cận với các thông điệp của Tháng hành động ở trung ương và địa phương.

- Lễ phát động "Năm An toàn cho phụ nữ và trẻ em năm 2019" có sự tham dự của lãnh đạo Đảng, Chính phủ và các đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, đại diện của các cơ quan, tổ chức. Qua đó thể hiện sự cam kết và cùng hành động của các cấp, các ngành.

c) Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Tổ chức, bộ máy làm công tác bình đẳng giới

Trong thời gian qua, thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, hầu hết các tỉnh, thành phố đã thành lập Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới hoặc Phòng Bình đẳng giới.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động, hiệu lực, hiệu quả, các địa phương đã tích cực, chủ động trong việc tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước ở các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực bình đẳng giới. Hiện nay, các tỉnh đều đã có vị trí việc làm về bình đẳng giới (trong Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới

Các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều khóa tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho hàng ngàn lượt cán bộ, công chức, viên chức và những người không hưởng lương ở cấp xã. Nội dung tập huấn bao gồm: phân tích vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách; đánh giá tác động giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kỹ năng lồng ghép giới trong lĩnh vực chính trị; kỹ năng truyền thông về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, tư vấn, tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực, cung cấp dịch vụ công tác xã hội

cho người bị bạo lực trên cơ sở giới; cách thức triển khai các mô hình về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Năm 2019 cơ quan chức năng đã tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới tại các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long và Bến Tre. Đồng thời, tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện công tác bình đẳng giới tại nhiều địa phương bao gồm: Đắk Lắk, Đắk Nông, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Nai, Bến Tre, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam,... và một số bộ, ngành, doanh nghiệp. Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, một số địa phương đã quan tâm nghiên cứu và có những kiến nghị cụ thể liên quan đến triển khai chính sách, pháp luật đối với phụ nữ như: sửa đổi, bổ sung Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình; nghiên cứu lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào giảng dạy tại các bậc học, ngành học; xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu thống kê, báo cáo số liệu về bình đẳng giới thống nhất trên toàn quốc.

- Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

Để khắc phục những bất cập trong việc thu thập số liệu của Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia được ban hành tại Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia với 78 chỉ tiêu thuộc 06 nhóm: dân số và nhân khẩu học; lao động, việc làm và tiếp cận với các nguồn lực; lãnh đạo, quản lý; giáo dục và đào tạo; y tế và các dịch vụ liên quan; bạo lực trên cơ sở giới, an toàn xã hội.

Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, trong đó nhiều số liệu được công bố có tách biệt giới tính, phục vụ nhu cầu sử dụng số liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác hoạch định chính sách, nghiên cứu.

- Xây dựng, duy trì các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới

Tiếp tục triển khai thí điểm một số mô hình hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm: Mô hình Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ về bình đẳng giới; Mô hình cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới; Mô hình Câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài; Mô hình trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực; Mô hình Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng; Mô hình Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ; Mô hình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự và phát triển doanh nghiệp. Việc triển khai các mô hình bước đầu cho thấy những tác động tích cực, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Kết quả triển khai các mô hình thí điểm nêu trên còn là cơ sở để các cơ quan chức năng nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan phù hợp với thực tiễn và khả thi.

- Kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới

Các cơ quan chức năng đã chủ động điều hành, phân bổ ngân sách cho hoạt động bình đẳng giới tại các bộ, ngành và địa phương để triển khai Chiến lược, Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới, cụ thể như sau:

+ Kinh phí triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

+ Kinh phí triển khai Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 và Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được cấp thông qua Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020. Năm 2019 được cấp 49.510 triệu đồng, trong đó phân bổ cho trung ương là 13.941 triệu đồng và địa phương là 35.568 triệu đồng.

- Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Việt Nam luôn khẳng định vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia các diễn đàn hợp tác đa phương và song phương về bình đẳng giới; chủ động trao đổi và chia sẻ tại các diễn đàn của Liên hợp quốc những thông tin về chính sách và thực tiễn đảm bảo bình đẳng giới và quyền của phụ nữ. Đồng thời, đề xuất sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; chủ động đóng góp ý kiến, quan điểm vào các dự thảo nghị quyết có nội dung liên quan tới bình đẳng giới, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Cụ thể:

+ Tham gia tích cực và hiệu quả vào Khóa họp lần thứ 63 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc diễn ra tại thành phố New York từ ngày 11 đến 22 tháng 3 năm 2019 với chủ đề "Hệ thống an sinh xã hội, tiếp cận dịch vụ công và cơ sở hạ tầng bền vững vì mục tiêu bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em".

+ Xây dựng và gửi Liên hợp quốc Báo cáo quốc gia 25 thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh về phụ nữ. Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam đã bảo vệ thành công Báo cáo này tại Hội nghị Bộ trưởng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương kiểm điểm 25 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh từ ngày 27-29/11/2019 tại Băng-cốc, Thái Lan.

+ Tham gia Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC: Việt Nam tích cực đóng góp ý kiến về nội dung cho năm APEC 2019 tại Chi-lê với chủ đề "Kết nối con người, vun đắp tương lai chung"; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Lộ trình Santiago về Phụ nữ và Tăng trưởng bao trùm. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và Ban thư ký APEC tổ chức Hội thảo APEC về thúc đẩy phát triển bao trùm thông qua giáo dục kỹ năng số cho phụ nữ và trẻ em gái; cử cán bộ tham dự các hội thảo kỹ thuật trong khuôn khổ Hội nghị quan chức cấp cao APEC lần thứ 2 và thứ 3 tại Chi-lê.

+ Tham gia Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) và Ủy ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC): hoàn thành tốt trách nhiệm là thành viên trong 2 Ủy ban này; góp ý các văn bản, dự thảo văn kiện Tuyên bố và tham dự các hội nghị, hội thảo định kỳ về bình đẳng giới và nâng cao quyền năng của phụ nữ.

+ Trong lĩnh vực nhân quyền: xây dựng Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị lần thứ ba; Báo cáo rà soát quốc gia đa chiều của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD); rà soát các khuyến nghị dành cho Việt Nam tại Phiên đối thoại về Báo cáo quốc gia theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát chu kỳ III của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc.

2. Tình hình thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

a) Mục tiêu "Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị"

Nhìn chung, kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu 1 không có nhiều biến động so với đầu nhiệm kỳ. Năm 2019 có thêm một số điểm mới như:

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp uỷ Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2020 trên 35%.

Kết quả Đại hội đảng cấp cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025 cho thấy, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng đạt 20,8% (tăng 1,7% so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), trong đó nữ tham gia thường vụ đạt 13,2%, nữ Bí thư đạt 10,9% và nữ Phó Bí thư đạt 14,8%.

Tỷ lệ 27,31% nữ đại biểu Quốc hội của Việt Nam cao hơn tỷ lệ chung của thế giới (25%) và khu vực châu Á (20%). Năm 2019, lần đầu tiên Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội có nữ tham gia Ủy viên thường trực.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Tính đến tháng 7/2020, có 11/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ lãnh đạo chủ chốt, đạt 36,6%; 19/63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nữ lãnh đạo chủ chốt, đạt 30,1%.

Hiện có 8/63 nữ Bí thư tỉnh, thành ủy; 2/63 nữ Chủ tịch Ủy ban nhân dân; 6/63 nữ Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Chỉ tiêu 3: Phấn đấu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Năm 2019, tỷ lệ cơ quan nhà nước có từ 30% nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt được như sau: các Bộ, ngành trung ương: 44,53%; cấp tỉnh: 45,52%, cấp huyện: 53,47% và cấp xã: 35,64%.

b) Mục tiêu "Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động"

- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

Theo thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, tính đến hết quý III/2019, tỷ lệ lao động nữ có việc làm đạt 47,7% và quý II/2020 đạt 47,04%.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, cơ cấu giới tính phân bố trong lực lượng lao động của Việt Nam tương đối cân bằng với tỷ trọng 52,7% nam giới và 47,3% nữ giới tham gia lực lượng lao động. Tỷ trọng nữ trong lực lượng lao động chênh lệch không đáng kể giữa thành thị và nông thôn. Tỷ trọng này ở cả hai khu vực đều dao động xung quanh mức 47,3%. Tỷ trọng phụ nữ tham gia lực lượng lao động thấp nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long (44,0%) và cao nhất tại Đồng bằng sông Hồng (49,6%).

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt từ 35% vào năm 2020

Tính đến tháng 10/2019, toàn quốc có 285.689 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chiếm 24% tổng số doanh nghiệp cả nước[2].

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 50% vào năm 2020.

Kết quả Điều tra lao động việc làm năm 2019 cho thấy, tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 17,38% (1.882.167 nữ/4.501.225 người dưới 45 tuổi được đào tạo chuyên môn kỹ thuật).

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số từ 15 tuổi trở lên tham gia lực lượng lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên là 23,1%, trong đó, nam đạt 25,5%, nữ đạt 20,5%, khu vực thành thị đạt 39,3% và khu vực nông thôn đạt 15,6%.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 100% vào năm 2020.

Theo báo cáo của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, các hoạt động hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo, tiết kiệm, ủy thác, tín chấp với ngân hàng, tài chính vi mô đã mở rộng tiếp cận vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu đa dạng của hội viên, phụ nữ từ Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các chương trình/dự án tài chính vi mô, huy động tiết kiệm tạo nguồn vốn tại chỗ... Tính đến ngày 31/12/2019, các cấp Hội đang quản lý và điều hành gần 80 ngàn tỷ đồng từ nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội cho trên 2,5 triệu lượt hộ vay, tỷ lệ nợ quá hạn là 0,22%. Dư nợ tín chấp với Ngân

[2] Số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến tháng 12/2019 là trên 19,8 ngàn tỷ đồng với 223.462 hộ vay.

Báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019, doanh số cho vay là 40.404 tỷ đồng với 1,125 triệu khách hàng nữ vay vốn.

c) Mục tiêu "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo"

- Chỉ tiêu 1: Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt ngang bằng với nam (98%), trong đó tỷ lệ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90%

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 97,33%; nam giới đạt 97,98%.

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 93,60%, trong đó tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 92,58%.

Tỉ lệ biết chữ của nữ độ tuổi từ 15-60 ở 14 tỉnh, thành có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 92,85%. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 ở 14 tỉnh, thành phố này đạt 93,06%, trong đó tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 90,45%.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020, tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015 và 25% vào năm 2020

Năm 2019, tỷ lệ nữ thạc sĩ đạt 44,2%, nữ tiến sỹ đạt 28%[3].

d) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe"

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2020

Tỉ số giới tính khi sinh năm 2019 giảm xuống 111,5 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái so với năm 2018 là 114,8 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái[4].

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 52/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2020

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ số tử vong mẹ năm 2019 là 46 ca trên 100.000 trẻ sinh sống. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, tỷ số tử vong mẹ của Việt Nam cao hơn Xing-ga-po (8/100.000), Ma-lai-xi-a (29/100.000), Bru-nây (31/100.000), Thái Lan (37/100.000) và thấp hơn các nước còn lại trong khu vực.

Theo Báo cáo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế – xã hội của 53 dân tộc thiểu số (DTTS) năm 2019, tình hình chăm sóc sức khỏe khi sinh cho phụ nữ DTTS rất tích cực, với tỷ lệ phụ nữ DTTS mang thai đến các cơ sở y tế khám thai trong lần sinh gần nhất đạt 88%. Cả nước có 86,4% phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế, 3,9% phụ nữ DTTS sinh con tại nhà có cán bộ chuyên

---

[3] Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

[4] Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

môn đỡ, 9,5% sinh con tại nhà không có cán bộ chuyên môn đỡ và 0,2% sinh con tại nơi khác.

- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 50% vào năm 2020

Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm sàng lọc HIV năm 2019 đạt 52% tăng so với năm 2018 (45,6%).

- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 25/100 trẻ đẻ sống vào năm 2020

Năm 2019, tỷ số phá thai của toàn quốc là 13,8/100 trẻ đẻ sống, giảm so với năm 2018 là 14,6/100 trẻ đẻ sống (số liệu từ hệ thống thống kê y tế).

đ) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin"

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020

Về cơ bản 100% hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn đều dành thời lượng phát sóng cho các nội dung liên quan đến bình đẳng giới, bạo lực gia đình do nguyên nhân bất bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% các đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

Các đài phát thanh và truyền hình ở trung ương và địa phương đều có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Các nội dung về bình đẳng giới đã được lồng ghép sáng tạo, phù hợp với nhiều đối tượng khán, thính giả khác nhau. Các chuyên mục về bình đẳng giới đã được chú trọng biên dịch ra nhiều thứ tiếng dân tộc thiểu số với các hình thức tuyên truyền dễ hiểu, dễ nhớ nhất nhằm nêu gương các điển hình người tốt, việc tốt, phê phán những biểu hiện không đúng, sai lệch về cách ứng xử trong gia đình và ngoài xã hội.

e) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới"

- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020

Theo số liệu từ Báo cáo "Công việc chăm sóc không lương - San sẻ là yêu thương" do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với tổ chức ActionAid Việt Nam thực hiện năm 2017, thời gian làm việc nhà của phụ nữ gấp 1,62 lần so với nam giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 ít nhất 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

Năm 2019, số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực là 7.838 lượt người.

- Chỉ tiêu 3: Có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng

Theo báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong năm 2019, các cơ quan chức năng đã tổ chức giải cứu, tiếp nhận, hỗ trợ trên 300 nạn nhân bị mua bán trở về. Sau khi tiếp nhận nạn nhân, các cơ quan chức năng đã lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán trở về theo các quy định. Các nạn nhân được sắp xếp chỗ ăn, ở an toàn, được tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu, được chuyển tuyến về gia đình và các cơ sở hỗ trợ nạn nhân khác an toàn. Điển hình, Cơ sở hỗ trợ nạn nhân - Trung tâm Công tác xã hội và Nhà Nhân ái Lào Cai đã tiếp nhận 51 nạn nhân, trong đó 23 nạn nhân trong tỉnh, 4/7 là trẻ em trong tỉnh.

100% nạn nhân được giải cứu trở về đều được hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

g) Mục tiêu "Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới"

- Chỉ tiêu 1 và 2: Phấn đấu đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới đã được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

Năm 2019, Bộ Tư pháp đã phối hợp thẩm định, góp ý 600 dự án, dự thảo văn bản, đề án; tổ chức 23 hội đồng thẩm định đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, trong đó gồm: 03 Luật, 07 Nghị định; 13 thông tư, thông tư liên tịch. Trong quá trình thẩm định, góp ý dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ đã tham gia nhiều ý kiến về đánh giá tác động giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Chỉ tiêu 3 và 4: Phấn đấu đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

Năm 2019, theo số liệu tổng hợp từ các bộ, ngành, địa phương: cả nước có 146 công chức làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh, trong đó số cán bộ làm công tác bình đẳng giới là nữ là 116 người (chiếm 79,4%). Gần 4.000 lớp tập huấn về bình đẳng giới đã được tổ chức với hơn 700.000 lượt người tham dự.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ

BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

1. Tình hình triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới

- Để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015, Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020, Đề án "Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Đề án "Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 – 2015"; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025, Đề án Thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức viên chức giai đoạn 2016 - 2020, Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025,...

Năm 2015, cơ quan chức năng đã tiến hành sơ kết Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Từ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Hiện nay, cơ quan chức năng đang tiến hành tổng kết Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt vào quý IV/2020.

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bình đẳng giới đã được các bộ, ngành, địa phương chú trọng triển khai với hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với các nhóm đối tượng. Từ năm 2016, Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới được tổ chức ở quy mô quốc gia từ ngày 15/11 đến ngày 15/12 hằng năm. Sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế trong công tác truyền thông, góp phần đưa chính sách, pháp luật về bình đẳng giới vào cuộc sống, thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược.

- Các mô hình thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được triển khai thí điểm trong thời gian vừa qua, bước đầu tạo sự chuyển biến tích cực ở những địa bàn triển khai mô hình, với sự tham gia trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân địa phương. Việc triển khai các mô hình thí điểm là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật mang tính khả thi, phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

a) Mục tiêu "Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị"

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp uỷ Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2020 trên 35%.

+ Về tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng:

Cấp	Khóa XI	Khóa XII
Ban Chấp hành Trung ương Đảng	8,62%	10%
Các Đảng bộ trực thuộc Trung ương	11,4%	13,3%
Cấp huyện	14%	14,3%
Cấp cơ sở	18,1%	19,07%

Kết quả trên cho thấy, tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng khóa XII đều tăng hơn so với khóa XI.

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, lần đầu tiên có 03 đồng chí nữ là Ủy viên Bộ Chính trị (chiếm tỷ lệ 15,78%). Tỷ lệ nữ tham gia Ban Bí thư đạt 14,3%. Tỷ lệ nữ tham gia Ban chấp hành Đảng bộ (BCH), Ban thường vụ Đảng ủy (BTV) đạt được như sau: Đảng bộ khối ở Trung ương (Đảng ủy khối các cơ quan TW, Đảng ủy khối Doanh nghiệp TW, Đảng ủy ngoài nước) có 10,7% nữ tham gia BCH và 19,4% tham gia BTV; cấp tỉnh có 14,2% nữ tham gia BCH tỉnh ủy[5] và 10,9% trong BTV tỉnh ủy[6]. Cả nước hiện có 8/63 nữ Bí thư tỉnh uỷ[7], 14/128 nữ Phó Bí thư.

Kết quả trên chưa đạt chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong Chiến lược.

+ Về tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp:

Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XIII đạt 24,2% (giảm 1,3% so với khóa XII là 25,76%) và là nhiệm kỳ thấp nhất so với 4 nhiệm kỳ trước đó. Tuy nhiên, khóa XIV, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt 27,31%, tăng 3,11% so với khóa XIII và lần đầu tiên Việt Nam có nữ Chủ tịch Quốc hội.

Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 tăng hơn so với nhiệm kỳ 2010– 2015 ở cả 3 cấp tỉnh, huyện và xã.

Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Cấp	Nhiệm kỳ 2010 - 2015	Nhiệm kỳ 2016 - 2021
Tỉnh	25,17%	26,54%
Huyện	24,62%	27,85%
Xã	21,71%	26,59%

[5]Có 20/63 tỉnh đạt tỷ lệ nữ tham gia BCH từ 15% trở lên

[6]Có 04/63 tỉnh không có nữ tham gia BTV tỉnh ủy: Thái Bình, Khánh Hòa, Bình Định, Hậu Giang

[7]Lai Châu, Lạng Sơn, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, An Giang, Yên Bái, Hà Nam, Thái Nguyên.

Nhiệm kỳ 2016-2021, có 16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh từ 30% trở lên; 26/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh từ 20-30%; cá biệt có 07/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh dưới 15%. Tỉnh có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh cao nhất là 46,55% (Tuyên Quang), thấp nhất là 11,27% (An Giang). Hiện cả nước có 08/63 nữ Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 31/63 nữ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Có 8/53 tỉnh, thành phố (trừ 10 tỉnh, thành phố thí điểm không tổ chức HĐND cấp huyện) có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện từ 30% trở lên; 37/53 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện từ 20-30%. Tỉnh có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện cao nhất là 33,98% (Tuyên Quang), thấp nhất là 15,52% (Quảng Ngãi).

Chưa có tỉnh nào có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã đạt 30%; 43/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã từ 20-30%. Tỉnh có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã cao nhất là 29,11% (Hà Giang), thấp nhất là 15,62% (Hậu Giang).

Kết quả trên chưa đạt chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong Chiến lược.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Tính đến hết tháng 02/2015, có 15/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ cán bộ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt, chiếm tỷ lệ 50%.

Tính đến hết tháng 7/2020, tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo nữ đạt 36,6% (11/30), trong đó có 11/116 nữ thứ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Đến cuối nhiệm kỳ 2011-2015, tỷ lệ Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ ở cấp tỉnh đạt 34,92%, cấp huyện đạt 26,51%, cấp xã đạt 17,91%.

Đầu nhiệm kỳ 2016-2021, tỷ lệ Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lần lượt là: 32,14%; 32,64%; 21,95%.

Tính đến tháng 7/2020, có 02/63 nữ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bắc Ninh, Bình Phước), 19/204 nữ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả trên chưa đạt chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong Chiến lược.

- Chỉ tiêu 3: Phấn đấu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Hiện mới chỉ thực hiện thống kê được tại khối cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương. Tỷ lệ cơ quan nhà nước có từ 30% nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt được như sau:

	2016	2017	2018	2019
Bộ, ngành	48,59%	53,15%	48,01%	44,53%
Cấp tỉnh	54,81%	37,92%	44,89%	45,52%
Cấp huyện	57,53%	60,28%	56,98%	53,74%
Cấp xã	40,15%	47,41%	43,85%	35,64%

Kết quả trên chưa đạt chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong Chiến lược.

b) Mục tiêu "Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động"

- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

Theo số liệu thống kê năm 2015, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước là 54,61 triệu người, trong đó lao động nam chiếm 51,7%, lao động nữ chiếm 48,3%.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, cơ cấu giới tính phân bố trong lực lượng lao động của Việt Nam tương đối cân bằng với tỷ trọng 52,7% nam giới và 47,3% nữ giới tham gia lực lượng lao động.

Tỷ trọng nữ trong lực lượng lao động chênh lệch không đáng kể giữa thành thị và nông thôn. Tỷ trọng này ở cả hai khu vực đều dao động xung quanh mức 47,3%. Tỷ trọng phụ nữ tham gia lực lượng lao động thấp nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long (44,0%) và cao nhất tại Đồng bằng sông Hồng (49,6%).

Như vậy, chỉ tiêu này đạt so với chỉ tiêu của Chiến lược đề ra.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020.

Theo Kết quả điều tra doanh nghiệp, tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp năm 2011 đạt 24,7%, năm 2013 đạt 24,8% và năm 2016 đạt 26,4%. Số liệu thống kê doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên toàn quốc năm 2016 cho thấy, chỉ có 2 tỉnh là Tây Ninh, Lâm Đồng đạt tỷ lệ trên 30% và có 07 tỉnh đạt mức 29%.

Theo số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và đầu tư, trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tính đến tháng 10/2019, toàn quốc có 285.689 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chiếm 24% tổng số doanh nghiệp cả nước. Trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, phân bố theo các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, số lượng doanh nghiệp tập trung cao nhất ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ (75%), 12% trong lĩnh vực xây dựng, 7% trong lĩnh vực công nghiệp, 7% trong lĩnh vực nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản[8].

[8] Báo cáo kinh doanh tại Việt Nam: Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ do VCCI thực hiện năm 2019

Ở các địa phương có sự chênh lệch doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khá lớn ở tỉnh có tỷ lệ cao nhất và thấp nhất. Tỷ lệ lớn nhất là 28,3% (Thành phố Hồ Chí Minh) và thấp nhất là 5,1% (Đồng Nai). Tại 05 thành phố lớn nhất của Việt Nam, bên cạnh Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ cao nhất toàn quốc thì các tỷ lệ này là 26,7% (Hải Phòng), 26% (Hà Nội), 25,1% (Đà Nẵng) và 21,8% (Cần Thơ).

Như vậy, chỉ tiêu này chưa đạt kế hoạch Chiến lược đề ra vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.

Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã có trên 3,5 triệu lao động nữ nông thôn được học nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng (chiếm 43%), trong đó, trên 2 triệu lao động nữ được hỗ trợ học nghề theo các chính sách, đề án (chiếm 46%)[9].

Kết quả Điều tra lao động việc làm năm 2019 cho thấy, tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 17,38% (1.882.167 nữ/4.501.225 người dưới 45 tuổi được đào tạo chuyên môn kỹ thuật).

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số từ 15 tuổi trở lên tham gia lực lượng lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên là 23,1%, trong đó, nam đạt 25,5%, nữ đạt 20,5%, khu vực thành thị đạt 39,3% và khu vực nông thôn đạt 15,6%.

Theo báo cáo của Hội Liên hiệp phụ nữ các tỉnh, thành phố, giai đoạn 2010 - 2019, đã có 1,7 triệu lao động nữ được đào tạo nghề từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các tỉnh, thành Hội, tập trung chủ yếu ở các ngành nghề may công nghiệp, kỹ thuật trang điểm, chế biến món ăn, đồ uống, thủ công mỹ nghệ, thêu ren xuất khẩu, dệt thổ cẩm, trồng rau an toàn, chăn nuôi thú y... Có 12.142 lao động nữ nông thôn được đào tạo nghề trình độ sơ cấp với tổng kinh phí trên 24 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ có việc làm trên 80%.

Mặc dù các nguồn số liệu đang có sự chênh lệch nhau về kết quả, tuy nhiên, chỉ tiêu này khó đạt được 50% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2015, tổng dư nợ các chương trình tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách là 133,7 tỷ đồng với gần 7 triệu hộ vay vốn. Trong đó, dư nợ cho vay các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ là gần 87 nghìn tỷ đồng, với gần 4,5 triệu hộ vay vốn là nữ. Trên 80% các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ tại các vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu đều được Ngân hàng chính sách xã hội giải quyết cho vay vốn từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các chương trình vay vốn ưu đãi khác. Theo số liệu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, tính đến tháng 5/2015, số lượng phụ nữ ở vùng nông

[9] Số liệu của Tổng cục Dạy nghề, Bộ LĐ-TB&XH (công văn số 2530/TCDN-VP ngày 22/12)

thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức là 95.625 khách hàng với dư nợ 6.116 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 73%.

Thực hiện Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo, Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, tính đến ngày 30/6/2020, tổng dự nợ các chương trình tín dụng chính sách xã hội do Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đạt 219.656 tỷ đồng, tăng 124.769 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/5/2011, với hơn 6,5 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ tập trung ở một số chương trình: cho vay hộ nghèo đạt 33.093 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15% tổng dư nợ); cho vay hộ cận nghèo đạt 32.935 tỷ đồng (chiếm 15% tổng dư nợ) cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 37.378 tỷ đồng (chiếm 17% tổng dự nợ).

Trong những năm qua, Ngân hàng chính sách xã hội đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị – xã hội nhận ủy thác để hướng dẫn, tiếp nhận và phê duyệt hồ sơ vay vốn của các đối tượng thụ hưởng chính sách bảo đảm nhanh chóng, thuận lợi. Trong đó, 100% hồ sơ đề nghị vay vốn của phụ nữ thuộc vùng nông thôn nghèo, dân tộc thiểu số thuộc đối tượng thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách xã hội và đủ điều kiện vay vốn đều được đáp ứng đủ nhu cầu vay và giải ngân kịp thời.

Như vậy, chỉ tiêu này đạt kế hoạch đề ra.

c) Mục tiêu "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo"

- Chỉ tiêu 1: Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt ngang bằng với nam (98%), trong đó tỷ lệ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90%.

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 97,33% so với nam giới là 97,98%.

Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 93,60%, trong đó tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số biết chữ trong đội tuổi 15-60 đạt 92,58%.

Tỉ lệ biết chữ của nữ độ tuổi từ 15-60 ở 14 tỉnh, thành có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 92,85%. Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 ở 14 tỉnh, thành phố này đạt 93,06%, trong đó tỷ lệ nữ DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 16-60 đạt 90,45%.

Như vậy, ước tính đạt chỉ tiêu Chiến lược đề ra vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015 và 25% vào năm 2020.

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chỉ tiêu này trong ngành giáo dục đào tạo đã đạt kế hoạch đề ra, cụ thể: năm 2015 tỷ lệ nữ thạc sĩ đạt 59%, tiến sĩ đạt 36%; năm 2019, tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 54,25%, nữ tiến sỹ ước đạt 30,8%.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2016 tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 43,1%, nữ tiến sỹ đạt 27% ,

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ lệ nữ thạc sĩ đạt 44,2%, nữ tiến sỹ đạt 28%.

Do đó, chỉ tiêu này ước đạt ở tỷ lệ nữ tiến sỹ còn tỷ lệ nữ thạc sỹ cần tiếp tục phấn đấu.

d) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe"

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015 và 115/100 vào năm 2020.

Tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam có xu hướng tăng hơn so với mức sinh học tự nhiên (104-106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống) từ năm 2006 đến nay cho thấy bằng chứng về mất cân bằng giới tính khi sinh tại Việt Nam. Việc lựa chọn giới tính trước khi sinh phản ánh tình trạng bất bình đẳng giới sâu sắc, xuất phát từ sự ưa thích sinh con trai trong bối cảnh giảm sinh, văn hóa Nho giáo với phong tục về việc mong muốn có con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên cũng như đánh giá thấp giá trị của nữ giới trong gia đình và xã hội tại mỗi vùng, miền và việc tiếp cận các dịch vụ y tế dễ dàng hơn trong lựa chọn giới tính thai nhi khi mang thai hoặc chuẩn đoán giới tính thai nhi dẫn tới nạo phá thai vì lý do lựa chọn giới tính,...

Với nỗ lực của các cấp, các ngành, tỷ số giới tính khi sinh qua các năm được khống chế ở mức khá ổn định: năm 2011: 111,9 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2012: 112,3 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2013: 113,8 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2014: 112,2 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2015: 112,8 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2016: 112,2 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2017: 112,1 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2018: 114,8 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; năm 2019: 111,5 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

Trung du miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng là 2 vùng có mức chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh cao nhất (tương ứng 114,2 bé trai/100 bé gái sinh ra sống và 115,5 bé trai/100 bé gái sinh ra sống), Đồng bằng sông Cửu Long và Tây nguyên là 2 vùng có mức chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh thấp hơn (tương ứng 106,9 bé trai/100 bé gái sinh ra sống và 108,6 bé trai/100 bé gái sinh ra sống).

Như vậy, chỉ tiêu này ước thực hiện đạt cao hơn so với chỉ tiêu cho năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 52/100.000 vào năm 2020.

Tỷ số tử vong mẹ ở Việt Nam đã giảm từ 67 ca trên 100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2011 xuống 58,3 ca trên 100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống còn 46 ca trên 100.000 trẻ sinh sống vào năm 2019.

Như vậy, đến năm 2020 chỉ tiêu này của cả nước đạt so với yêu cầu đề ra của Chiến lược.

- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015 và lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010.

Theo thống kê của Bộ Y tế, hàng năm có trên 1,2 triệu phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm HIV. Dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai được triển khai trên toàn quốc. Số liệu trong giai đoạn 2011 - 2019 như sau:

Năm	Số phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	Xét nghiệm trong thời kỳ mang thai	Xét nghiệm trong giai đoạn chuyển dạ, đẻ
2011	1.275.687	953.131	513.005	413.022
2012	1.408.551	1.116.630	643.769	473.466
2013	1.510.485	1.157.681	669.057	489.702
2014	1.513.928	1.219.892	718.700	501.192
2015	1.452.522	1.436.096	685.302	549.161
2016	1.478.470	1.264.630	666.972	597.658
2017	1.570.596	1.394.785	735.656	659.129
2018	1.627.636	1.448.508	215.385	169.292
2019	1.569.276	1.441.573	752.307	689.266

Năm 2016, tỷ lệ phụ nữ mang thai được điều trị dự phòng giúp giảm lây nhiễm HIV từ mẹ sang con đạt 55,7%; năm 2017 tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm sàng lọc HIV trước và trong khi mang thai chung toàn quốc đạt 35,2%; năm 2018 đạt 45,6% và năm 2019 đạt 52%.

Như vậy, chỉ tiêu này ước thực hiện đạt so với yêu cầu của Chiến lược vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 25/100 vào năm 2020.

Tỷ số phá thai đã giảm từ 25/100 trẻ đẻ sống năm 2011 xuống còn 13,8/100 trẻ đẻ sống năm 2019 (số liệu từ hệ thống thống kê y tế).

Như vậy, chỉ tiêu này ước thực hiện đạt so với yêu cầu của Chiến lược vào năm 2020.

đ) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin"

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020

Về cơ bản 100% hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn đều đã dành thời lượng phát sóng các nội dung liên quan đến bình đẳng giới, bạo lực gia đình.

Như vậy, chỉ tiêu này đạt so với yêu cầu của Chiến lược.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, thường xuyên chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo, đài đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới. Thông qua giao ban báo chí cũng đã biểu dương và ghi nhận các tin bài, phóng sự có nội dung tốt, có tác động điều chỉnh hành vi xã hội trong công tác thông tin về bình đẳng giới.

Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí đã thực hiện tốt chức năng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong đó có các nội dung về bình đẳng giới. Cùng với hệ thống các kênh của đài phát thanh, truyền hình Trung ương, hầu hết các địa phương đều có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới trên kênh phát sóng của mình. Các chương trình phát thanh và truyền hình về bình đẳng giới đã được thực hiện bằng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số đã giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu rõ hơn các chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước ta về bình đẳng giới.

Theo báo cáo của các địa phương, 100% đài phát thanh và đài truyền hình địa phương có chuyên mục, chuyên trang về bình đẳng giới dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, được phát sóng định kỳ. Một số đài địa phương như An Giang, Lai Châu, Điện Biên, Đắk Nông, Kon Tum,... còn có chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đề tài bình đẳng giới tới đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Các chương trình này đều được xây dựng với các hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với các đối tượng tiếp nhận thông tin nhằm nâng cao nhận thức, vai trò của người phụ nữ về bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ.

Như vậy, chỉ tiêu này đạt so với chỉ tiêu Chiến lược đề ra.

e) Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới"

- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020.

Chỉ tiêu này mang tính ước lượng, muốn thống kê được cần có điều tra, khảo sát cụ thể trên quy mô lớn. Do vậy, chưa có số liệu thống kê chính thức để đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu này vào năm 2020.

Năm 2015, Viện Nghiên cứu phát triển xã hội (ISDS) đã công bố báo cáo nghiên cứu "Các yếu tố xã hội quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam" được thực hiện từ năm 2012-2015. Số liệu thu thập được đã phản ánh về mức độ tham

gia của nam giới và phụ nữ vào các công việc nhà được tìm hiểu qua 14 công việc nhà điển hình[10]. Số liệu thu thập được cho thấy có sự khác biệt lớn trong số lượng công việc nhà người phụ nữ thực hiện so với số lượng công việc nam giới thực hiện trong gia đình. Ở khu vực đô thị, trên 97% số phụ nữ và trên 90% số nam giới cho biết nam giới trong gia đình họ chủ yếu làm từ 0-2 đầu việc nhà, trong khi 90,91% phụ nữ và 78,62% nam giới cho rằng phụ nữ trong gia đình họ làm ít nhất từ 5 đầu việc nhà trở lên. Tương tự như vậy, có 97,02% phụ nữ và 89,53% nam giới nông thôn cho biết nam giới trong gia đình họ chỉ làm từ 0-2 đầu việc nhà và 91,03% nữ và 81,7% nam giới nông thôn cho biết phụ nữ trong gia đình họ làm từ 5 đầu việc trở lên. Cuộc nghiên cứu này cũng đã thử lượng giá giá trị các công việc nhà, với kết quả cho thấy phụ nữ đóng góp công việc nhà tại địa bàn nghiên cứu tương đương khoảng 0,1-10 lần thu nhập bình quân đầu người tại địa phương trong thời gian đó.

Năm 2016 - 2017, ActionAid Việt Nam đã thực hiện nghiên cứu về công việc chăm sóc không lương. Kết quả cho thấy, năm 2017 phụ nữ đã giảm 40 phút thời gian làm công việc chăm sóc không lương so với năm 2016 sau khi cả nam giới, phụ nữ cùng tham gia các hoạt động nâng cao nhận thức và tập huấn về công việc chăm sóc không lương. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn dành trung bình 274 phút (4,5 giờ) cho công việc chăm sóc không lương, tương đương 32 giờ trong một tuần và 207 ngày làm việc trong một năm và công việc này không được ghi nhận. Thời gian làm việc nhà của phụ nữ gấp 1,62 lần so với nam giới (nữ làm việc 274 phút và nam giới làm việc 169 phút mỗi ngày).

Như vậy, với mức độ giảm từ kết quả các nghiên cứu nêu trên, các nhà khoa học chỉ ra khả năng có thể đạt chỉ tiêu đề ra vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 ít nhất 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình của giai đoạn 2011-2015 là 120.452 lượt người, năm 2016 là 18.104 lượt người, năm 2017 là 14.972 lượt người, năm 2018 là 8.580 lượt người, năm 2019 là 7.838 lượt người. Như vậy, tổng số lượt nạn nhân của bạo lực gia đình được tư vấn, được hỗ trợ và chăm sóc là 169.946 lượt người.

Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 cho thấy: Cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (62,9%) phải chịu ít nhất một hoặc nhiều hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong đời và 31,6 % bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua); tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục

[10] Gồm: quản lý chi tiêu trong gia đình, đi chợ mua thực phẩm, nấu ăn, rửa bát; quét dọn nhà cửa, giặt quần áo, sửa chữa đồ dùng trong gia đình, chăm sóc người ốm, người già, trẻ em, công việc đưa đón người nhà đi học, đi làm; hiếu hỉ; làm giỗ/tết; cúng tổ tiên; thăm hỏi và đại diện cho gia đình làm việc với chính quyền địa phương/cộng đồng dân cư.

trong đời năm 2019 là 13,3%, cao hơn so với năm 2010 là 9,9%; 4,4% phụ nữ cho biết họ đã bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 tuổi. Một nửa phụ nữ bị chồng bạo lực chưa bao giờ kể với bất kỳ ai. Hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các cơ quan chính quyền. Bạo lực đối với phụ nữ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho phát triển kinh tế và sức khỏe thể chất, tinh thần phụ nữ. Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra cho nền kinh tế Việt Nam tương đương với 1,8% GDP hằng năm (năm 2018 là 100.507 tỷ đồng). Kết quả điều tra nêu trên cho thấy cần nhiều nỗ lực hơn nữa (nhất là đầu tư về nguồn lực) từ các cấp, các ngành để triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố, từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2019, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận, hỗ trợ 2.961 nạn nhân bị buôn bán được cơ quan chức năng giải cứu, tự trở về, trong đó, 2.891 nữ, 528 người dưới 18 tuổi. Dựa trên nhu cầu của nạn nhân, có 2.216 nạn nhân được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, 1.347 người được hỗ trợ y tế, 2.105 người được tư vấn tâm lý, 1003 người được trợ giúp pháp lý, 103 người được hỗ trợ học văn hóa, học nghề; 817 người được trợ cấp khó khăn ban đầu và 72 người vay vốn sản xuất.

Như vậy, 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng. Chỉ tiêu này đạt so với chỉ tiêu Chiến lược đề ra.

g) Mục tiêu "Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới"

- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015 có 80% và đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Theo thống kê, từ năm 2011 đến 6/2020, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp 2013, 07 Bộ luật, 161 luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 15 pháp lệnh, trong đó có khoảng 45 Bộ luật, luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, Chính phủ ban hành 1.413 Nghị định và đều được xem xét lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của Luật bình đẳng giới và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật ban hành được chú trọng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo không có quy định phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, việc thu thập số liệu trên toàn quốc về lồng ghép vấn đề giới trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa thực hiện được, do số lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng hằng năm rất lớn, đòi hỏi phải có nhiều nguồn lực về kinh phí và nhân lực mới thực hiện đánh giá được chỉ tiêu

này. Do đó, chưa có đủ căn cứ để đánh giá về chỉ tiêu này.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

Trong thời gian qua, nhiều bộ, ngành đã thành lập ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tập huấn kiến thức về giới cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và hoạch định chính sách; thực hiện thành lập ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Mặc dù việc thu thập số liệu chỉ tiêu này theo đúng yêu cầu của Chiến lược còn khó khăn, tuy nhiên theo báo cáo và tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, về cơ bản các thành viên tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập đều đã được tham gia tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới. Do đó, chỉ tiêu này đạt kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Tính đến ngày 31/12/2019, cả nước có 146 công chức làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh. Tính trung bình mỗi tỉnh có 2,3 công chức làm công tác bình đẳng giới.

Ở cấp huyện, đa phần là cán bộ làm công tác kiêm nhiệm và ở cấp xã, công tác bình đẳng giới do công chức Văn hóa – Xã hội kiêm nhiệm. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường xuyên thay đổi, chưa ổn định do chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm.

Đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ đã được hình thành qua thực hiện các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên cả nước. Riêng tại thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh và Tây Ninh đã hình thành đội ngũ cộng tác viên ở các xã, phường, thị trấn và có quy định hỗ trợ phụ cấp cho cộng tác viên làm công tác này. Như vậy, chỉ tiêu này cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu 4: Đến vào năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

Việc tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành ngày càng được quan tâm và thực hiện thường xuyên hàng năm. Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, về cơ bản 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới hằng năm được tập huấn, nâng cao kiến thức về giới. Như vậy, kết quả này đạt so với chỉ tiêu đề ra.

III. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP TRONG

GIAI ĐOẠN TỚI

1. Đánh giá tổng quan kết quả đạt được

- Sau gần 10 năm thực hiện Chiến lược, kết quả đạt được như sau:

+ Có 13/22 chỉ tiêu dự kiến đạt chỉ tiêu đề ra;

+ Có 9/22 chỉ tiêu chưa đạt hoặc chưa có đủ cơ sở để đánh giá kết quả.

- Trong 10 năm qua, việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới đã và đang được triển khai khá đồng bộ, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về thực hiện bình đẳng giới.

- Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách từng bước được hoàn thiện theo hướng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Việc lồng ghép giới trong xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án,... đã được các cấp, ngành quan tâm, góp phần rút ngắn khoảng cách giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, tạo điều kiện để phụ nữ và nam giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng vào các lĩnh vực của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội. Nhiều chính sách được ban hành mang tính đột phá như Luật Bảo hiểm xã hội (2014) quy định lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội được nghỉ nguyên lương và phụ cấp khi vợ sinh con; tăng tuổi nghỉ hưu của phụ nữ theo lộ trình như quy định của Bộ luật Lao động (2019). Nội dung bình đẳng giới đã được lồng ghép trong rất nhiều chiến lược, chương trình, chính sách được ban hành trong 10 năm qua như Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020; Chiến lược Dân số đến năm 2030...

- Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trong các lĩnh vực đã có những tiến bộ rõ nét. Trong giai đoạn này, lần đầu tiên phụ nữ tham gia một số vị trí quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các cơ quan lập pháp. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế và có nhiều cơ hội để có những việc làm tốt, mang lại thu nhập cao hơn. Điều này góp phần quan trọng giúp Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế vào loại cao nhất thế giới trong thập kỷ qua, bất chấp những biến động kinh tế - chính trị của khu vực và thế giới. Về giáo dục, tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối. Về chăm sóc sức khoẻ, tuổi thọ người dân tăng lên, việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng được cải thiện.

- Một số chỉ số phát triển được cải thiện đã đưa Việt Nam lên các bậc xếp hạng cao hơn và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về những nỗ lực trong thực hiện bình đẳng giới. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đang ở gần mức trần của nhóm các

nước có HDI ở mức trung bình. Với chỉ số HDI là 0,63, Việt Nam xếp thứ 118 trong tổng số 189 nước. Việt Nam chỉ cần thêm 0,007 điểm để vào được nhóm các nước có HDI ở mức cao. Với chỉ số phát triển giới ở mức 1,003, Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu trong số 5 nhóm gồm 166 nước trên toàn thế giới, xếp thứ 68 trong số 162 nước về chỉ số phát triển giới. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong nhóm 1/3 các nước đứng đầu thế giới về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.

- Các cấp, ngành đã quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác bình đẳng giới, đây là một trong những điều kiện quan trọng góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới. Ngoài ra, sự hợp tác, hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển cũng tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả công tác bình đẳng giới.

- Các cơ quan chức năng đã chú trọng thực hiện công tác truyền thông nâng cao nhận thức thay đổi hành vi, nâng cao năng lực về bình đẳng giới từ cấp trung ương đến cấp cơ sở. Các nghiên cứu, khảo sát đều cho thấy "bình đẳng giới" đã trở thành một khái niệm quen thuộc với người dân và phần lớn đều có suy nghĩ tích cực về bình đẳng giới và hiểu ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của gia đình và xã hội. Trong 10 năm qua, ước tính có khoảng gần 15 triệu lượt cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các bộ, ngành và địa phương được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực và nghiệp vụ.

- Công tác thống kê số liệu có tách biệt giới tính đã được quan tâm triển khai. Các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo nền tảng lý luận cho việc đề xuất chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cũng đã được các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ quan tâm thực hiện trong thời gian qua.

2. Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Một số chỉ tiêu đặt ra quá cao, không có tính khả thi nên mặc dù các cấp, các ngành đã rất nỗ lực nhưng không thể đạt được.

- Là một trong những Chiến lược được phê duyệt sớm nhất, nên một số chỉ tiêu chưa đồng bộ về cách thức đo lường so với các chỉ tiêu có cùng nội dung được phê duyệt sau đó nên không đồng bộ về số liệu, dẫn đến khó khăn trong việc thu thập số liệu để đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu.

- Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền một số bộ, ngành, địa phương (nhất là người đứng đầu) còn chưa thực chất, chưa thật sự sát sao, chưa quan tâm đúng mức cho công tác bình đẳng giới tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Một số văn bản hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật chưa được ban hành kịp thời. Nhiều cơ quan chủ trì soạn thảo còn gặp khó khăn trong việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật bình đẳng giới và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Một số giải pháp đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 chưa được các cơ quan, tổ chức quan tâm thực hiện; bên cạnh đó chưa có chế tài đối với các cơ quan, tổ chức chưa nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao.

- Đội ngũ cán bộ nhìn chung còn thiếu về số lượng, hạn chế về kiến thức và kỹ năng và thiếu kinh nghiệm trong tổ chức triển khai nhiệm vụ. Ở các bộ, ngành, địa phương, hầu hết cán bộ làm công tác bình đẳng giới đều kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên hiệu quả công tác còn hạn chế.

- Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới chưa đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở các cấp. Số liệu tách biệt theo giới phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và lập ngân sách chưa được quan tâm xây dựng ở từng bộ, ngành cũng như trong cả nước. Thông tin về giới ở nhiều lĩnh vực còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Kinh phí chi cho công tác bình đẳng giới còn thấp, phụ thuộc vào sự quan tâm của từng bộ, ngành, địa phương. Kinh phí cấp cho triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới (giai đoạn 2011 – 2015) còn hạn chế, chưa đạt so với dự kiến ban đầu.

3. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất, công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới của các cấp, các ngành và bản thân người phụ nữ, nam giới *tiếp* tục là nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn tới.

- Thứ hai, sự cam kết mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác bình đẳng giới luôn đóng vai trò then chốt; sự tham gia tích cực và trách nhiệm cao của cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp là tiền đề cơ bản để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bình đẳng giới.

- Thứ ba, việc hình thành và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới và duy trì tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ là cần thiết để tạo ra sự thống nhất và đồng thuận cao giữa các bộ, ngành chức năng trong triển khai thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và bảo đảm quyền con người của phụ nữ. Công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ cần phải gắn chặt chẽ với thực hiện bình đẳng giới, phải được coi như là một biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thì mới thực sự đem lại hiệu quả trên thực tế.

- Thứ tư, để đảm bảo hiệu quả của công tác bình đẳng giới cần có sự đầu tư bài bản cả về nhân lực và vật lực. Bên cạnh việc bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với công việc cần đảm bảo bố trí đủ kinh phí.

- Thứ năm, huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức phi chính phủ, người dân trong thực hiện công tác bình đẳng giới nhằm đảm bảo tính bền vững và hiệu quả. Cần phải ban hành các quy trình chuẩn, tiêu chuẩn hóa các dịch vụ bình đẳng giới làm cơ sở để xã hội hóa công tác này.

4. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Quốc hội

- Chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh các hoạt động thẩm tra, giám sát lồng ghép giới trong xây dựng các luật.

- Đảm bảo việc phân bổ kinh phí thích đáng để thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trong quá trình xem xét, thông qua ngân sách, các chương trình đầu tư công.

b) Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động giám sát cũng như hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và đảm bảo việc thực thi đầy đủ quyền con người của phụ nữ và trẻ em, nhất là tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; tăng cường phối hợp trong tham gia xây dựng và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

5. Một số giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tới

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong tình hình mới nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân tại cộng đồng

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông thường xuyên và các chiến dịch, nhất là trong Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15/11 đến ngày 15/12 hằng năm trong phạm vi cả nước;

- Tuyên truyền và triển khai thực hiện những nội dung mới về bình đẳng giới trong Bộ luật Lao động; thực hiện Kế hoạch truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị hướng tới bầu cử Đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông; tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tốt, người có ảnh hưởng tại cộng đồng trong thực hiện bình đẳng giới; triển khai các hoạt động thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong truyền thông về bình đẳng giới phù hợp với yêu cầu đổi mới.

- Rà soát, loại bỏ những nội dung, hình ảnh mang định kiến giới trong sản phẩm truyền thông, báo chí, văn học nghệ thuật. Tập huấn và nâng cao chất lượng đội ngũ phóng viên, biên tập viên báo chí trong hoạt động truyền thông về bình đẳng giới; xử lý nghiêm và kịp thời những hình ảnh, bài viết mang định kiến giới.

b) Xây dựng, ban hành và đẩy mạnh thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

- Thể chế hóa chủ trương, chính sách đối với công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ theo các văn bản, chủ trương của Đảng.

- Ban hành các chiến lược, chương trình, đề án nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu bình đẳng giới.

- Nghiêm túc thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phân tích, đánh giá tác động về giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo thống nhất với quy trình xây dựng văn bản theo quy định hiện hành.

- Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố tiếp tục rà soát văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành nhằm bảo đảm thực hiện bình đẳng giới; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách xóa bỏ phân biệt giới, tạo cơ hội bình đẳng cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới trong lao động, việc làm.

c) Bố trí nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương; xây dựng đội ngũ chuyên gia giới ở các bộ, ngành, địa phương và tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa sự tham gia của các chuyên gia giới trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách ở các bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao năng lực và tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới để có thể tư vấn, đánh giá hiệu quả lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào công tác quản lý nhà nước trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới cần chủ động phối hợp với các bộ, ngành chức năng để kiểm tra, thanh tra và kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm minh những vi phạm về pháp Luật bình đẳng giới.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp liên ngành

- Đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, lồng ghép nội dung về bình đẳng giới trong hoạt động thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực quản lý của các cơ quan, đơn vị. Nội dung kiểm tra thiết thực, tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra qua từng năm.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới.

đ) Thúc đẩy hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Chủ động chia sẻ thông tin, kinh nghiệm triển khai công tác bình đẳng giới và tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ từ các nước phát triển, các tổ chức phi chính phủ có uy tín để góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 35

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Đào Ngọc Dung

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

(Ban hành kèm theo báo cáo số:362/BC-CP ngày 10/8/2020 của Chính phủ)

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.							
- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp uỷ Đảng nhiệm kỳ 2016- 2020 từ 25% trở lên. Kết quả: + BCH TW Đảng + Các Đảng bộ trực thuộc TW + Cấp huyện + Cấp cơ sở	Khóa XI 8,62% 11,4% 14% 18,1%	Khóa XII 10% 13,3% 14,3% 19,07%					Không đạt
Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2020 trên 35%. Kết quả: + Đại biểu Quốc hội + HĐND cấp tỉnh + HĐND cấp huyện + HĐND cấp xã	 24,2% 25,17% 24,62% 21,71%	Nhiệm kỳ 2016-2021 27,31% 26,54% 27,85%: 26,59%					Không đạt

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
Chỉ tiêu 2: - Phấn đấu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ[1].		40%	43%		43,3%	47%	Không đạt
- Phấn đấu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ[2]. Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	34,92% 26,51% 17,91 (Số liệu cuối nhiệm kỳ)	32,14% 32,64% 21,95% (Số liệu đầu nhiệm kỳ)					Không đạt
- Chỉ tiêu 3: Phấn đấu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.							

[1] Nguồn: Tổng hợp số liệu thống kê phát triển giới của quốc gia từ báo cáo của 12 bộ, ngành và 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2015); 16 bộ, ngành và 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2016); 28 bộ, ngành và 59 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2017); 29 bộ, ngành và 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2018); 18 bộ, ngành và 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2019 – đang tiếp tục tổng hợp).

[2] Nguồn: Tổng hợp số liệu thống kê phát triển giới của quốc gia từ báo cáo của 12 bộ, ngành và 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2015); 16 bộ, ngành và 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2016); 28 bộ, ngành và 59 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2017); 29 bộ, ngành và 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2018); 18 bộ, ngành và 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2019 – đang tiếp tục tổng hợp).

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
- Tỷ lệ cơ quan nhà nước có từ 30% nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ		Bộ, ngành: 48,59% Cấp tỉnh: 54,81% Cấp huyện: 57,53% Cấp xã: 40,15%	Bộ, ngành: 53,15% Cấp tỉnh: 37,92% Cấp huyện: 60,28% Cấp xã: 47,41%	Bộ, ngành: 48,01% Cấp tỉnh: 44,89% Cấp huyện: 56,98% Cấp xã: 43,85%	Bộ, ngành: 44,53% Cấp tỉnh: 45,52% Cấp huyện: 53,74% Cấp xã: 35,64%		Không thu thập được đầy đủ số liệu
Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.							
- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).	48%	48%	48%	48%	Nam: 52,7% Nữ: 47,3%		Đạt
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020.	2011: 24,7%	26,4%	-	-	24%		Không đạt
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020	43% (đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng)	-	-	-	17,38%		Không đạt
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020	Đạt chỉ tiêu				100%		Đạt
Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.							

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
- Chỉ tiêu 1: Đối với giai đoạn 2011-2015 và các năm 2016, 2017, thu thập theo chỉ tiêu: "Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020".	Không thu thập được			-	-		
Đối với năm 2018, 2019 và ước kết quả cho giai đoạn 2016 -2020 thu thập theo chỉ tiêu: "Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt ngang bằng với nam giới (98%), trong đó: tỷ lệ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%, người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90%" *do chỉ tiêu đã được điều chỉnh tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018)* - Tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15-60 Trong đó: + Tỷ lệ nữ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn + Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ	-	-	-	97,3% - 94%	97,33% 92,85% 93,60%		Đạt
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 25% vào năm 2020. + Tỷ lệ nữ thạc sỹ + Tỷ lệ nữ tiến sỹ		43,1% 27%	- -	- -	44,2% 28%		Đạt vượt chỉ tiêu nữ tiến sỹ
Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.							

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015 và 115/100 vào năm 2020.	112,8 (2015)	112,2	112,1	114,8	111,5		Đạt
- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 52/100.000 vào năm 2020.	58,3/100.000	58/100.0000	57/100.000	49/100.000	46/100.000		Đạt
- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015 và lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010.	>50%	55,7%	35,2%	45,6%	52%		Đạt
- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 25/100 vào năm 2020.	17/100	14/100	16,3/100	14,6/100	13,8/100		Đạt
Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.							
- Đối với giai đoạn 2011-2015 và các năm 2016, 2017, thu thập theo chỉ tiêu: "Đến năm 2015 giảm 60% và đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới".	Không thu thập được đầy đủ số liệu để đánh giá	-	-	-	-	-	

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
- Số liệu năm 2018, 2019 và ước kết quả cho giai đoạn 2016 -2020 "Phấn đấu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020" (*do chỉ tiêu đã được điều chỉnh tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018)*	-	-	-	Đạt 100%	Đạt 100%		Đạt
- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.	100%	100%	100%	100%	100%		Đạt
Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.							
- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020.	Không thu thập được số liệu để đánh giá	1,78 (Số liệu điều tra của ActionAid)	1,62 (Số liệu điều tra của ActionAid)	-	-		Không thu thập được số liệu để đánh giá
- Chỉ tiêu 2: Số liệu giai đoạn 2011-2015 và các năm 2016, 2017: "Đến năm 2015 đạt 40% và đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình". + Số nạn nhân gây bạo lực được được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc	120.452 lượt	18.104 lượt	14.972 lượt				

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình + Số người gây bạo lực gia đình được tư vấn	người 54.848	người 7.058	người 5.906				
- Số liệu năm 2018, 2019 và ước kết quả cho giai đoạn 2016 -2020: "Đến năm 2020 có ít nhất 50% nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình" (*do chỉ tiêu đã được điều chỉnh tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018)*	-	-	-	8.580 lượt người (nạn nhân của bạo lực gia đình được tư vấn, được hỗ trợ và chăm sóc)	7.838 lượt người (nạn nhân của bạo lực gia đình được tư vấn, được hỗ trợ và chăm sóc)		Không đủ cơ sở để đánh giá
- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.	58%	100%	100%	100%	100%		Đạt
Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.							
- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.	-	-	-	-	-		chưa có đủ căn cứ để đánh giá

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo năm/giai đoạn						Đánh giá *(Đạt/không đạt/không đánh giá được)*
	2011-2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**Ước thực hiện 2016-2020**	
- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.	Cơ bản đã được tập huấn	Cơ bản đã được tập huấn	Cơ bản đã được tập huấn	Cơ bản đã được tập huấn	Cơ bản đã được tập huấn	Cơ bản đã được tập huấn	Đạt
- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.	Cơ bản đã được bố trí đủ	Cơ bản đã được bố trí đủ	Cơ bản đã được bố trí đủ	Cơ bản đã được bố trí đủ	Cơ bản đã được bố trí đủ	Cơ bản đã được bố trí đủ	Đạt
- Chỉ tiêu 4: Đến vào năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.	100%	100%	100%	100%	100%		Đạt